

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 107/2027/DS-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Công Danh,
- Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 827/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXX-ST ngày 26/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1019/2024/QĐST-DS ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1949

Địa chỉ: Tổ 34A, Khu phố 7, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 34A, Khu phố 7, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà H và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà và bà H1 là hàng xóm với nhau do gần nhà. Vào năm 2021, bà H1 có hỏi vay bà một khoản tiền và bà đồng ý cho bà H1 vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Sau khi vay tiền vào năm 2021 thì có tháng bà H1 trả tiền lãi cho bà, có tháng không trả. Từ thời điểm phong tỏa do dịch COVID - 19 thì bà H1 không thanh toán cho bà bất kỳ số tiền lãi và cũng không trả tiền gốc. Bà nhiều lần yêu cầu bà H1 trả lại số tiền đã vay

nhưng bà H1 không trả mà còn để con trai có hành vi bạo lực, đánh đập bà. Đến tháng 11/2022, bà H1 trả cho bà số tiền là: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và viết giấy hẹn đến tháng 05/2023 sẽ trả số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) còn lại. Đến tháng 05/2023, bà liên hệ bà H1 để yêu cầu trả tiền thì bà H1 lấy nhiều lý do và trốn tránh không chịu thanh toán tiền.

Bà yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền đã vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), theo giấy mượn tiền ngày 25/11/2022; bà xin rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi tính từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 25/11/2022, bà H1 có ký giấy mượn của bà H số tiền 60.000.000 đồng, bà H1 hứa sẽ trả lại vào tháng 5/2023, tuy nhiên đến thời hạn thanh toán bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà H có cung cấp giấy mượn tiền ngày 25/11/2022, do bà H1 ký tên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H1 phải trả số tiền vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H1 trả lại số tiền nợ gốc đã vay. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, bà H1 là bị đơn. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 có địa chỉ cư trú tại phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tố tụng khác:**

+ Nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

+ Nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của bà Phan Thị H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà H yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) và cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 25/11/2022 do người tên Nguyễn Thị Lệ H1 tự viết và ký tên.

Xét thấy: phía bị đơn bà H1 cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, đúng địa chỉ trong Giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 trên và Tòa án đã xác minh đúng địa chỉ của bà H1 (*bút lục 37*). Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để bà H1 có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và được quyền yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và nhưng bà H1 không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà H về tiền gốc:

Giấy mượn tiền ngày 25/11/2022 do bà H giao nộp có nội dung thể hiện:

“Tôi tên là Nguyễn Thị Lệ H1, A70 Tổ 34 Kp 7 phường Tân Phong, Biên Hoà, Đồng Nai có mượn của Phan Thị H 151 tổ 04 Kp 7 phường Tân Phong

Số tiền là: 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng)

Tháng 05/2023 sẽ hoàn trả lại”

Như vậy, có căn cứ xác định bà H1 còn nợ bà H số tiền 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng). Bà H1 vắng mặt nên không có căn cứ để xác định bà H1 đã trả tiền gốc cho bà H hay chưa, vì vậy Hội đồng xét xử đủ cơ sở buộc bà H1 trả số tiền nợ gốc 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) cho bà H.

- Về yêu cầu tiền lãi: Bà H đã rút yêu cầu về tiền lãi. Về lời khai của bà H đã nhận lãi một vài lần nhưng không nhớ số tiền và hai bên không làm giấy tờ nên Hội

đồng xét xử không có căn cứ để xác định số tiền lãi bà H nhận có vượt quá quy định của pháp luật hay không để thực hiện việc cản trừ lãi vào tiền gốc. Sau này bà H1 có căn cứ chứng minh được số tiền lãi đã nộp vượt quá thì có quyền khởi kiện bà H theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Người cao tuổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Nguyên đơn bà Phan Thị H được miễn tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm do là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên không xem xét về án phí..

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 phải chịu toàn bộ án phí tương ứng số tiền nợ gốc phải thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Nhận định về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do các đương sự vắng mặt nên quyền kháng cáo được xác định từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, 147, 228, 244, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 361, 362, 363, 471, 722 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Luật Người cao tuổi, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 về việc tranh chấp số tiền lãi 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H1 trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H1 phải nộp 3.000.000đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Huệ